

STATUS OF INTERNET ADDICTION AND RELATED FACTORS AMONG STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2023

Tran Thi Kieu Oanh¹, Phan Huu Vinh^{1*}, Luu Thi Thu Kieu¹, Trinh Khanh Linh¹, Tran Xuan Dai¹,
Nguyen Thi Mai¹, Nguyen Ngoc Linh¹, Bui Quang Tien¹, Nguyen Bich Ngoc¹,
Tran Phuong Anh², Do Thi Huyen³, Nguyen Huu Duc Anh¹, Le Minh Dat¹, Nguyen Dang Vung¹

¹ Institute For Preventive Medicine and Public Health – No. 1 Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam

² Hanoi University of Business and Technology – 29A, 124 Vinh Tuy Street, Thanh Long, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

³ Vinmec International Hospital – 458 Minh Khai, Times City Urban Area, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

Received: 07/03/2024

Revised: 15/05/2024; Accepted: 15/06/2024

ABSTRACT

Objective: Describe the prevalence of internet addiction in medical students com at Hanoi Medical University in 2023 and to identify factors related to internet addiction.

Methods: A Cross-sectional descriptive study was used on 394 students at Hanoi Medical University. Data were collected by questionnaire and by using the short version of the internet addiction assessment scale (s-IAT) which consist of 12 standardized in Vietnam.

Results: The rate of internet addiction among the 394 students was 20.8%. The condition of internet addiction in students with average or poor academic performance was higher compared to those with excellent or good grades (respectively, excellent 11.1%; good 11.4%; fair 16.7%; average 28.2%; poor 55.6%, $p = 0.004$). Compared to the group with internet addiction, the group without internet addiction tends to have study planning habits ($p < 0.001$) and read books in their free time ($p = 0.023$). For the groups that only study close to the exam period, there is a higher likelihood of internet addiction compared to the others ($p = 0.011$).

Conclusion: The study shows that the rate of internet addiction among Hanoi medical students is quite low (20.8%). Factors such as year of study, academic performance, and having a study plan contribute to internet addiction.

Keywords: Internet addiction, students, Hanoi Medical University.

* Corresponding author

E-mail: phvinh2001@gmail.com

Phone number: (+84) 334 665 785

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1240>

THỰC TRẠNG NGHIỆN INTERNET VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2023

Trần Thị Kiều Oanh¹, Phan Hữu Vinh^{1*}, Lưu Thị Thu Kiều¹, Trịnh Khánh Linh¹, Trần Xuân Đại¹, Nguyễn Thị Mai¹, Nguyễn Ngọc Linh¹, Bùi Quang Tiến¹, Nguyễn Bích Ngọc¹, Trần Phương Anh², Đỗ thị Huyền³, Nguyễn Hữu Đức Anh¹, Lê Minh Đạt¹, Nguyễn Đăng Vững¹

¹ Viện đào tạo Y học Dự phòng và Y tế Công Cộng – Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

² Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội – 29A Ngõ 124 Phố Vinh Tuy, Thanh Long, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

³ Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – 458 Minh Khai, Khu đô thị Times City, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 07/03/2024

Chỉnh sửa ngày: 15/05/2024; Ngày duyệt đăng: 15/06/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng nghiện internet trong cộng đồng sinh viên y khoa tại trường Đại học Y Hà Nội năm 2023 và xác định một số yếu tố liên quan đến tình trạng nghiện internet.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 394 sinh viên trường Đại học Y Hà Nội. Dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi và sử dụng thang đo đánh giá nghiện internet phiên bản ngắn (s-IAT) gồm 12 câu hỏi đã được chuẩn hóa tại Việt Nam.

Kết quả: Tỷ lệ nghiện internet trên 394 sinh viên là 20,8%. Tình trạng nghiện internet ở những người có học lực trung bình, yếu cao hơn so với những người có học lực xuất sắc, giỏi (lần lượt là xuất sắc 11,1%; giỏi 11,4%; khá 16,7%; trung bình 28,2%; yếu 55,6%, $p = 0,004$). So với nhóm có tình trạng nghiện internet, nhóm không có nghiện internet thường có thói quen lập kế hoạch học tập ($p < 0,001$) và đọc sách khi thời gian rảnh ($p = 0,023$). Đối với những nhóm chỉ học bài khi đến gần kỳ thi có khả năng nghiện internet cao hơn nhóm còn lại ($p = 0,011$).

Kết luận: Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nghiện internet ở sinh viên Y Hà Nội thấp (20,8%). Các yếu tố như năm học, học lực, và việc có kế hoạch học tập có liên quan đến tình trạng nghiện internet.

Từ khóa: Nghiện internet, sinh viên, đại học.

* Tác giả liên hệ

E-mail: phvinh2001@gmail.com

Điện thoại: (+84) 334 665 782

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1240>



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời kỳ số hóa, việc sử dụng Internet đã trở thành một khía cạnh không thể thiếu của cuộc sống, không chỉ giới hạn trong giới những chuyên gia máy tính, kỹ sư, mà còn mở rộng tới cả cộng đồng. Thống kê Internet thế giới đã chỉ ra một sự gia tăng đáng kể, từ 360 triệu người dùng internet vào năm 2000 lên 5.473 triệu người vào tháng 7 năm 2022, với mức độ sử dụng Internet toàn cầu đạt 69,0% [1]. Tại Việt Nam, số người dùng Internet đã tăng từ chỉ 200 nghìn người vào năm 2000 lên 84 triệu người vào tháng 7 năm 2022, chiếm 86,0% dân số quốc gia và đóng góp 2,9% vào tổng số người dùng Internet ở Châu Á [1].

Tuy nhiên, sự phổ biến của Internet không chỉ mang lại những cơ hội, mà còn đặt ra những thách thức, đặc biệt là khi tình trạng sử dụng Internet quá mức hay còn gọi là “nghiện internet”. Nhiều nghiên cứu được thực hiện ở Trung Quốc, Mỹ và các nước khác trên thế giới đã chỉ ra mức độ phổ biến của việc sử dụng Internet, cái gọi là “nghiện internet” đang nhận được sự quan tâm toàn cầu, đặc biệt là trong nhóm sinh viên [2, 3]. Khi sử dụng Internet quá mức hoặc nghiện internet có thể gây ảnh hưởng nặng nề đến kết quả học tập, tương tác xã hội trực tiếp, sự tập trung, trạng thái cảm xúc, và sự tham gia vào hoạt động thể chất [4-6].

Một số nghiên cứu đã chỉ ra là có mối liên quan giữa giới tính, việc sử dụng điện thoại thông minh và khu vực sinh sống với tình trạng nghiện internet [7, 12]. Mặt khác, chưa kết hôn, sở hữu điện thoại thông minh và thất nghiệp, vốn là những đặc điểm chung của sinh viên đại học, và được cho là có mối quan hệ tích cực có ý nghĩa với việc sử dụng Internet quá mức [8].

Ở Việt Nam, dữ liệu liên quan đến việc sử dụng Internet trong cộng đồng sinh viên Y Hà Nội vẫn còn rất hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: Mô tả thực trạng nghiện internet trong cộng đồng sinh viên y khoa tại trường Đại học Y Hà Nội năm 2023 và xác định một số yếu tố liên quan đến tình trạng nghiện internet.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên từ Y1 đến Y6 đang theo học tại trường Đại học Y Hà Nội.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên từ Y1 đến Y6 đang theo học tại trường Đại học Y Hà Nội và đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần, sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023.

- Thời gian thu thập số liệu: Từ 01/08/2023 đến 31/08/2023.

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính mẫu cho một tỷ lệ

$$n = Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết cho nghiên cứu

$Z_{(1-\frac{\alpha}{2})} = 1,96$ (lấy mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 0,05$)

$p = 0,369$ (Giá trị p được tham khảo từ kết quả nghiên cứu của Hồ Thị Linh Đan. Nghiên cứu trên 1098 sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế cho thấy tỷ lệ sinh viên y nghiện internet là 36,9%) [9].

$d = 0,05$ sai số tuyệt đối là 5%

Cỡ mẫu tính được $n = 358$. Cộng với 10% cỡ mẫu để dự trữ cho những số liệu bị mất hoặc những trường hợp từ chối tham gia nghiên cứu như vậy cỡ mẫu tối thiểu của nghiên cứu là 394 người.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện. Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi thiết kế trên phần mềm Kobotoolbox, sau đó link khảo sát online sẽ được gửi tới các bạn sinh viên thông qua cán bộ lớp hoặc thành viên các câu lạc bộ trong trường đại học Y Hà Nội

2.5. Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu:

Bộ câu hỏi được thiết kế bằng phần mềm Kobotoolbox trống gồm hai phần: Thông tin chung và thực trạng sử dụng internet của sinh viên. Phần đánh giá thực trạng sử dụng internet của sinh viên sử dụng thang đo đánh giá nghiện internet phiên bản ngắn (s-IAT) gồm 12 câu hỏi, đã được kiểm chứng bởi Pawlikowski và đồng nghiệp [10], dịch sang tiếng Việt và được kiểm định bởi tác giả Trần Xuân Bách (hệ số Cronbach's Alpha là 0.87)[11]. Người tham gia đã sử dụng thang đo Likert 5 điểm để phản ánh trả lời của họ từ 1 (“hiếm khi”) đến 5 (“luôn luôn”), với điểm tổng cộng dao động từ 12 đến 60. Mức điểm cao cho thấy mức độ nghiện internet tăng cao. Điểm giới hạn là 36, được sử dụng để xác định những người tham gia có nguy cơ nghiện internet.

Kỹ thuật thu thập số liệu: link khảo sát online được gửi qua các diễn đàn, mạng xã hội để tiếp cận sinh viên trường Đại học Y Hà Nội.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu sau khi thu thập bằng Kobotoolbox được xuất

sang file Excel làm sạch. Phân tích và xử lý số liệu bằng phần mềm Stata 17.0.

Các thống kê mô tả được trình bày dưới dạng tần suất và tỷ lệ phần trăm. Để kiểm định sự khác biệt của 2 hoặc nhiều tỷ lệ chúng tôi áp dụng Chi bình phương (χ^2). Mô hình hồi quy đa biến logistic đã được áp dụng để xác định các yếu tố có liên quan đến tình trạng nghiện internet, với mức ý nghĩa thống kê được xác định là $\alpha = 0,05$.

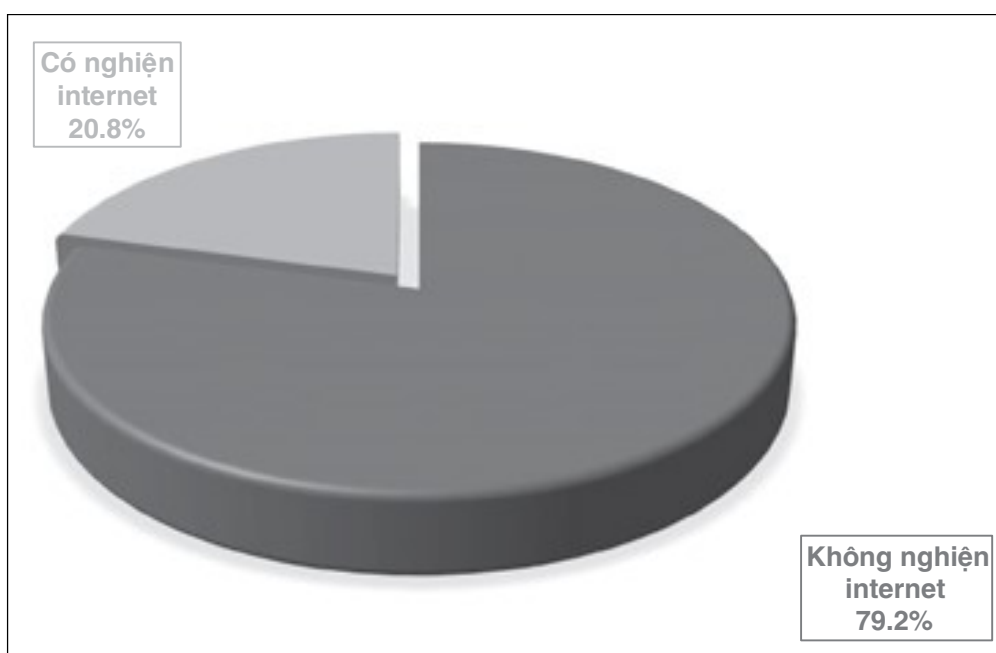
2.7. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng được thông báo đầy đủ mục đích và các thông tin liên quan về nghiên cứu, đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu. Các thông tin, dữ liệu được mã hóa và bảo mật riêng biệt và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thực trạng nghiện internet của đối tượng nghiên cứu

Biểu đồ 1: Tỷ lệ nghiện internet ở nhóm đối tượng nghiên cứu



Kết quả cho thấy tình trạng nghiện internet ở sinh viên mức độ nghiện internet trên sinh viên y Hà Nội là 33,11 chiếm 20,8%. Điểm trung bình trong thang đo đánh giá $\pm 6,67$.

Bảng 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n=394)

Đặc điểm		Tình trạng nghiện internet				Tổng		p
		Có		Không				
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Giới	Nữ	44	18,8	190	81,2	234	59,4	0,235
	Nam	38	23,7	122	76,3	160	40,6	
Dân tộc	Kinh	74	20,0	296	80,0	370	93,9	0,119
	Khác	8	33,3	16	66,7	24	6,1	

Tôn giáo	Không	77	21,0	289	79,0	366	92,9	0,438
	Phật giáo	1	8,3	11	91,7	12	3	
	Thiên chúa giáo	4	30,8	9	69,2	12		
	Khác	0	0,0	3	100	3	0,8	
Năm học	Năm 1	10	40,0	15	60,0	25	6,4	0,174
	Năm 2	17	23,9	54	76,1	71	18,0	
	Năm 3	22	20,1	87	79,8	109	27,7	
	Năm 4	12	19,3	50	80,7	62	15,7	
	Năm 5	17	15,9	90	84,1	107	27,2	
	Năm 6	4	20,0	16	80,0	20		
Ngành học	Y đa khoa	26	20,6	100	79,4	126	32,0	0,197
	Răng hàm mặt	6	15,0	34	85,0	40	10	
	Y học Dự Phòng	27	30,7	61	69,3	88	22,3	
	Y học cổ truyền	3	12,0	22	88,0	25	6,	
	Y tế công cộng	9	18,7	39	81,3	48	12	
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	1	10,0	9	90,0	10	2,	
	Điều dưỡng	4	17,4	19	82,6	23	5,8	
	Dinh dưỡng	6	25,0	18	75,0	24	6,	
Khúc xạ nhãn khoa	0	0,0	10	100	100	2,		
Học lực	Yếu	5	55,6	4	44,4			0,004
	Trung Bình	37	28,2	94	71,8	131	33,2	
	Khá	35	16,7	175	83,3	210	53,3	
	Giỏi	4	11,4	31	88,6	35		
	Xuất sắc	1	11,1	8	88,9	9	2,3	
Tình trạng sống hiện tại	Một mình	19	22,3	66	77,7	85	21,6	0,051
	Bạn bè	28	15,6	152	84,4	180	45,7	
	Bố mẹ	29	29,6	69	70,4	98	24,9	
	Khác	6	19,3	25	80,7	31	7,9	
Mức chu cấp từ gia đình	< 1,5 triệu đồng/ tháng	12	18,5	53	81,5	65	16,5	0,912
	Từ 1,5 triệu – 2,5 triệu	34	22,5	117	77,5	151	38,3	
	Từ 2,5 đến 3,5 triệu	22	20,0	88	80,0	110	27,9	
	>3,5 triệu	14	20,6	54	79,4	68	17,3	

Nhận xét: Trong bảng 1, ta quan sát thấy rằng tỷ lệ nghiện internet ở sinh viên nam và nữ lần lượt là 23,7% so với 18,8%. Đối với nhóm không phải dân tộc Kinh tỷ lệ nghiện internet cao nhất là 33,3%. Không có sự khác biệt đáng kể về tôn giáo, năm học, ngành học, tình trạng sống hiện tại và mức chu cấp từ gia đình giữa

nhóm tham gia có và không có nghiện internet ($p > 0,05$). Đối với học lực, sinh viên có học lực yếu có tỷ lệ nghiện internet cao hơn so với các nhóm còn lại (học lực yếu 55,6% so với trung bình 28,2%; khá 16,7%; giỏi 11,4%; xuất sắc 11,1%) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 2: Đặc điểm, thói quen của người tham gia nghiên cứu có và không nghiện internet (n=394)

Đặc điểm		Tình trạng nghiện internet				Tổng		p
		Có		Không				
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Thời gian tự học	< 2 giờ/ngày	44	25,9	126	74,1	170	43,2	0,097
	Từ 2 - 3 giờ	28	16,9	138	83,1	166	42,1	
	>3 giờ	10	17,2	48	82,8	58	14,7	
Đi làm thêm	Không	44	21,4	162	78,6	206	52,3	0,779
	Có	38	20,2	150	79,8	188	47,7	
Yêu thích ngành học	Không	20	26,7	55	73,3	75	19,0	0,165
	Có	62	19,4	257	80,6	319	81,0	
Có kế hoạch học tập	Không	41	30,8	92	69,2	133	33,8	< 0,001
	Có	41	15,7	220	84,3	261	66,2	
Đọc sách khi thời gian rảnh	Không	52	25,2	154	74,8	206	52,3	0,023
	Có	30	16,0	158	84,0	188	47,7	
Chỉ học bài khi gần đến kỳ thi	Không	13	12,3	93	87,7	106	26,9	0,011
	Có	69	24,0	219	76,0	288	73,1	

Kết quả bảng 2 cho thấy, không có sự khác biệt đáng kể về thời gian tự học, đi làm thêm, yêu thích ngành học giữa nhóm có nghiện internet và không nghiện internet ($p > 0,05$). Đối với những người có thói quen lập kế hoạch học tập và đọc sách khi có thời gian rảnh có tình trạng nghiện internet chiếm tỷ lệ thấp hơn so với những người tham gia không có những thói quen này, sự khác

biệt này có ý nghĩa thống kê (lần lượt là 15,7% so với 30,8% và 16% so với 25,2%, $p < 0,05$). Còn ở những người tham gia có thói quen chỉ học bài khi đến gần kỳ thi có tỷ lệ nghiện internet cao hơn so với những người thuộc nhóm còn lại (24% so với 12,3%, $p < 0,05$).

3.2 Một số yếu tố liên quan đến tình trạng nghiện internet của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3: Một số yếu tố liên quan đến tình trạng nghiện internet của đối tượng nghiên cứu

Yếu tố		OR	95% CI
Năm học	Năm 1	ref	-
	Năm 2	0,43	0,15 – 1,23
	Năm 3	0,35*	0,13 – 0,97
	Năm 4	0,51	0,17 – 1,59
	Năm 5	0,39	0,13 – 1,15
	Năm 6	0,56	0,13 – 2,45
Học lực	Yếu	ref	-
	Trung Bình	0,40	0,09 – 1,72
	Khá	0,24	0,05 – 1,08
	Giỏi	0,16*	0,03 – 0,93
	Xuất sắc	0,14	0,01 – 1,86
Thời gian tự học	< 2 giờ/ngày	ref	-
	Từ 2 - 3 giờ	0,81	0,45 – 1,46
	>3 giờ	1,29	0,53 – 3,12
Kế hoạch học tập	Không	ref	-
	Có	0,56*	0,32 – 0,98
Đọc sách khi có thời gian rảnh	Không	ref	-
	Có	0,73	0,42 – 1,26
Thói quen chỉ học bài khi gần đến kỳ thi	Không	ref	-
	Có	1,95	0,98 – 3,88

* $p < 0,05$

Bảng 3 cho thấy có mối liên quan giữa tình trạng nghiện internet với năm học, đặc biệt ở sinh viên năm 3 có tình trạng nghiện internet chỉ bằng 0,35 lần so với sinh viên năm thứ 1 (95%CI= 0,13 – 0,97). Về học lực, những người có học lực cao hơn thì tình trạng nghiện internet thấp hơn sinh viên có học lực yếu, trong đó những người có học lực giỏi có khả năng nghiện internet chỉ bằng 0,16 lần những người có học lực yếu (95%CI = 0,03 – 0,93, $p < 0,05$). Những sinh viên có kế hoạch học tập có tình trạng nghiện internet thấp hơn so với những người không có kế hoạch học tập (OR = 0,56, 95%CI = 0,32 – 0,98). Ngoài ra không thấy có mối liên quan giữa tình trạng nghiện internet với các yếu tố thời gian tự học, đọc sách khi có thời gian rảnh và thói quen học bài khi đến gần kỳ thi ($p > 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Sự bùng nổ của internet đã mang lại nhiều cơ hội và thách thức, đặc biệt là đối với giới trẻ. Nghiên cứu hiện tại là bước sơ bộ để ước tính mức độ phổ biến của chứng nghiện internet và tìm hiểu các yếu tố liên quan đến tình trạng nghiện internet ở sinh viên trường Đại học Y Hà Nội.

Tỷ lệ nghiện internet trên sinh viên y khoa ở nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu trên sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe tại trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế năm 2018 (36,9%)[9] và sinh viên y đa khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019 (38,5%)[12]. Ngoài ra, so với các nghiên cứu quốc tế, như nghiên cứu ở Đại học Sohag, Ai Cập và trường Đại học Ambo ở Ethiopia lại có tỷ lệ nghiện internet lần lượt là 47,7%[7] và 79%[13]. Điều này cho thấy tỷ lệ nghiện internet trong nghiên cứu của chúng tôi là thấp. Lý giải cho sự khác biệt này có thể do thời gian nghiên cứu và bối cảnh khác với nghiên cứu hiện tại, hoặc có thể do ảnh hưởng của các chiến dịch giáo dục sức khỏe và công tác tư vấn tâm lý tại trường Đại học Y Hà Nội.

Không có mối liên quan về tuổi tác và giới tính với chứng nghiện Internet, điều này tương đồng với nghiên cứu tại của Hồ Thị Linh Đan năm 2018 và nghiên cứu Gurmu Tesfaye Umeta và cộng sự (2022) [9, 13]. Tuy nhiên, kết quả này lại khác với nghiên cứu tại Đại học Sohag và Đại học Y Dược Hải Phòng, đều chỉ ra rằng giới tính có liên quan đáng kể đến chứng nghiện internet [7, 12]. Sự đối lập này có thể là do sự khác biệt về xã hội, văn hóa, chính trị và kinh tế giữa các quốc gia được nghiên cứu, đặc biệt là liên quan đến việc sử dụng và truy cập internet.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra các yếu tố như năm học, học lực và có kế hoạch học tập có thể liên quan đến chứng nghiện Internet. Về năm học, những sinh viên năm 3 có khả năng nghiện internet thấp nhất và chỉ bằng 0,35 lần so với sinh viên năm 1 (95% CI = 0,13 – 0,97 với $p = 0,043$) có thể do sinh viên năm 3 thường đã hoàn thành những khóa học cơ bản và bắt đầu tiếp

cận các chủ đề chuyên sâu hơn trong ngành học của họ. Việc này có giúp họ tập trung vào việc học tập và giảm khả năng dành thời gian cho Internet. Đối với học lực, những người có học lực giỏi có khả năng bị nghiện internet thấp hơn những người có học lực yếu (OR= 0,16; 95% CI = 0,03 – 0,93, với $p = 0,045$) vì sinh viên có học lực giỏi có thể đã phải đầu tư nhiều thời gian vào việc học tập, giảm thiểu thời gian dành cho các hoạt động trên Internet trong khi đó sinh viên có học lực yếu có thể dễ dàng bị lôi cuốn vào các hoạt động trên mạng và dẫn tránh việc học tập. Về kế hoạch học tập, sinh viên có kế hoạch học tập có khả năng mắc chứng nghiện internet thấp hơn nhóm không có kế hoạch học tập (OR = 0,56; 95% CI = 0,32 – 0,98, với $p = 0,043$). Điều này có thể do sinh viên có kế hoạch biết cách sắp xếp thời gian hiệu quả, giúp hạn chế việc lãng phí thời gian trên internet. Tuy nhiên nghiên cứu của chúng tôi không giống với nghiên cứu của Hồ Thị Linh Đan chỉ ra rằng thời gian tự học và có thói quen đọc sách trong thời gian rảnh có liên quan đến chứng nghiện Internet [9]. Điều này có thể xảy ra do sự khác biệt về thời điểm và bối cảnh nghiên cứu khác nhau giữa hai nghiên cứu. Ngoài ra chúng tôi không phát hiện thêm bất cứ đặc điểm nào có mối liên quan đến tình trạng nghiện internet ở đối tượng nghiên cứu.

Hạn chế của nghiên cứu là cỡ mẫu nhỏ và việc sử dụng thiết kế cắt ngang không cho phép suy luận về mối quan hệ nhân quả của hiện tượng nghiện Internet và các yếu tố liên quan. Và những phát hiện từ nghiên cứu có thể không áp dụng cho sinh viên ở các trường đại học khối ngành sức khỏe khác hoặc cho toàn bộ cộng đồng sinh viên y khoa tại Việt Nam.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu chỉ ra rằng tỷ lệ nghiện Internet ở sinh viên Y Hà Nội là tương đối thấp (20,8%). Mặc dù các yếu tố như năm học, học lực và kế hoạch học tập được xác định là có liên quan đến chứng nghiện Internet, nhưng không nhất quán với các nghiên cứu trước đó. Điều này đề xuất cần tiếp tục nghiên cứu để hiểu rõ hơn và thực hiện các biện pháp can thiệp hiệu quả nhằm giảm thiểu tình trạng chứng nghiện Internet trong cộng đồng sinh viên y khoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Internet World Stats, Internet 2022 Usage in Asia. 2022; Available from: <https://www.internetworldstats.com/stats3.htm>.
- [2] Kentaro K, Fumie H, Marina O et al., Internet addiction: Prevalence and relation with mental states in adolescents. *Psychiatry Clin Neurosci*, 2016. 70(9): p. 405-12.
- [3] Hille T. de V, Takashi N, Kenji F et al., Problematic internet use and psychiatric co-morbidity in

- a population of Japanese adult psychiatric patients. *BMC Psychiatry*, 2018. 18(1): p. 9.
- [4] Wen L, Jennifer EO, Susan MS et al., Characteristics of internet addiction/pathological internet use in U.S. university students: a qualitative-method investigation. *PLoS One*, 2015. 10(2): p. e0117372.
- [5] Jing A, Ying S, Yuhui W et al., Associations between problematic internet use and adolescents' physical and psychological symptoms: possible role of sleep quality. *J Addict Med*, 2014. 8(4): p. 282-7.
- [6] YatanPSB, Ananya M, Pawan Set al., Problematic internet use among students in South-East Asia: Current state of evidence. *Indian J Public Health*, 2018. 62(3): p. 197-210.
- [7] Ali R, N Mohammed, H Aly, Internet addiction among medical students of Sohag University, Egypt. *J Egypt Public Health Assoc*, 2017. 92(2): p. 86-95.
- [8] Byung-SookK, Sung MC, Jee EP et al., Prevalence, correlates, psychiatric comorbidities, and suicidality in a community population with problematic Internet use. *Psychiatry Res*, 2016. 244: p. 249-56.
- [9] Hồ Thị Linh Đan, Nguyễn Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Mai & CS, Thực trạng nghiện internet và một số yếu tố liên quan của sinh viên trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế năm 2018, *Tạp chí Y tế Công cộng*, 2018. 56.
- [10] Mirko P, Christine AG, Matthias B, Validation and psychometric properties of a short version of Young's Internet Addiction Test. *ELSEVIER*, 2013. 29(3).
- [11] Bach TX, Hue MT, Long NH et al., Vietnamese validation of the short version of Internet Addiction Test. *Addict Behav Rep*, 2017. 6: p. 45-50.
- [12] Nguyễn Thị Minh Ngọc & CS, Thực trạng nghiện internet và một số yếu tố liên quan của sinh viên y đa khoa Trường đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019, *Tạp chí Y học dự phòng*, 2019.
- [13] Gurmu TU, Sanyi DR, Getu MT et al., Prevalence of Internet Addiction and its Correlates Among Regular Undergraduate Medicine and Health Science Students at Ambo University. *Cross-Sectional Study. Subst Abuse*, 2022. 16: p. 11782218221080772.

